

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST

Ngày: 22/11/2021.

“V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Phát Triển;

2. Ông: Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXX-ST, ngày 12/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 924/2021/QĐST-DS, ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1968;

Là chủ Hộ kinh doanh Hoàng H.

Địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Lai V, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn H là ông Trần Duy Ph, sinh năm: 1997; Địa chỉ: ấp Thới M, xã Vĩnh T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/2021).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Văn Ng, Sinh năm: 1967;

2. Nguyễn Thị X, Sinh năm: 1960;

Cùng địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân P, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn L, Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân P, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Trần Duy Ph có mặt; ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/12/2020; trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn H là ông Trần Duy Ph trình bày:

Vào khoảng năm 2019 ông Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Văn L có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp do bà Nguyễn H là Chủ Hộ kinh doanh Hoàng Hoa để mua phân, thuốc. Về hình thức thực hiện hợp đồng là tại thời điểm mua bán Nguyễn H ghi số lượng hàng và giá của mỗi loại hàng vào sổ cái của người bán, đồng thời bà Hoa có ghi vào sổ riêng giao cho ông Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Văn L giữ, có thỏa thuận thời hạn trả là cuối năm, tính đến ngày 21/8/2020 ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L còn nợ bà Nguyễn H số tiền 315.712.000 đồng. Bà Nguyễn H đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả tiền cho bà Hoa nhưng ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L không trả. Do đó Nguyễn H yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả cho Nguyễn H vốn 315.712.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng), lãi không yêu cầu. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn H cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn H yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả tiền mua vật tư nông

nghiệp là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 BLTTDS, nguyên đơn bà Nguyễn H cũng thống nhất, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét việc thỏa thuận mua bán phân thuốc trừ sâu giữa bà Nguyễn H và ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L cho thấy: mặc dù các bên không có làm hợp đồng bằng văn bản nhưng hình thức mua bán đã được các bên thống nhất bằng việc khi giao nhận hàng có ghi vào sổ theo dõi và ký nhận. Nay bà Nguyễn H yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L cùng liên đới trả cho bà Hoa số tiền 315.712.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng), lãi không yêu cầu. Yêu cầu của bà Hoa được chứng minh là ông Ng và anh L có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp do bà Nguyễn H là Chủ Hộ kinh doanh Hoàng H để mua phân thuốc, hình thức thực hiện hợp đồng là tại thời điểm mua bán Nguyễn H ghi số lượng hàng và giá của mỗi loại hàng vào sổ cái của người bán, đồng thời bà Hoa có ghi vào sổ riêng giao cho ông Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Văn L giữ, có thỏa thuận thời hạn trả là cuối năm, trong sổ có thể hiện là mỗi lần mua có chốt lại số tiền, người mua là ông Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Văn L có ký tên và ghi họ tên vào sổ. Tính đến ngày 21/8/2020 ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L còn nợ bà Nguyễn H số tiền 315.712.000 đồng. Bà Nguyễn H đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả tiền cho bà Hoa nhưng ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L không trả. Do đó Nguyễn H yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả cho Nguyễn H vốn 315.712.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng), lãi không yêu cầu. Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật nêu trên chấp nhận yêu cầu của bà Hoa buộc ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền vốn vốn 315.712.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng), lãi không yêu cầu là chính đáng, cần được chấp nhận.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L hiện có mặt tại địa phương, các bị đơn có biết về việc bà Hoa khởi kiện tại Tòa án nhưng

ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và không có văn bản phản bác do đó các bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh vì vậy đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn H buộc ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả cho bà Nguyễn H vốn 315.712.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng), lãi không yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn H được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 144, Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430; Điều 436; Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn H.

Buộc ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L trả cho bà Nguyễn H tiền vốn là 315.712.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng), lãi không yêu cầu.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

3.1 Ông Nguyễn Văn Ng; bà Phạm Ngọc X và Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.785.600 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng).

3.2 Hoàn trả lại cho bà Nguyễn H số tiền 7.892.800 đồng (Bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn, tám trăm đồng) theo biên lai số 0010697, ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/11/2021. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Phong Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (D).

Nguyễn Thị Cẩm Nhung